

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 03
2. Báo cáo kết quả soát xét tỷ lệ an toàn tài chính	04
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	05 - 14
4. Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	15 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 04 năm 2009, và các giấy phép thay đổi bổ sung:

Giấy phép 313/UBCK-GP ngày 15/3/2010 thay đổi người đại diện pháp luật;

Giấy phép 327/UBCK-GP ngày 26/5/2010 thay đổi địa chỉ;

Giấy phép 98/GPDC-UBCK ngày 6/7/2012 thay đổi vốn điều lệ lên 56 tỷ.

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định : 35.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) 3 8258106

Fax : +84 (8) 3 8248655

3. Ngành nghề hoạt động

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Minh Hoàn	Chủ tịch
Ông Đặng Quang Tý	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Vũ Thanh Hà	Thành viên

4.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Ngô Thị Hải Việt	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Minh Thư	Thành viên

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Quang Tý	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Minh Huyền	Quản lý Kế toán trưởng

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Điều hành Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Điều hành với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Điều hành Công ty cam kết lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015.

8. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, các thành viên của Ban Điều hành Công ty phê duyệt các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã được lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

TM. Ban Điều hành



ĐẶNG QUANG TÝ
Tổng Giám đốc



Số: 2377/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á lập ngày 11 tháng 08 năm 2015 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 20.

Việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo với phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu và được lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 0967-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

V/v: báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
(BÁO CÁO TỶ LỆ VỐN KINH DUNG)

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại thông tư số 226/2010/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015.

Q. Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ MINH HUYỀN

NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN



ĐẶNG QUANG TÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A.	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	56.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần			
3	Cổ phiếu Quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính			
7	Quỹ khác thuộc Vốn Chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo qui định của pháp luật	(29.262.823.197)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỉ giá hối đoái			
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Tiền phân tăng thêm hoặc giảm đi của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
1A	Tổng	26.737.176.803	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
R	Tài sản ngắn hạn	(1)	(2)	(3)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán		90.800.000	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5	Các khoản phải thu khác		3.323.805.175	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.323.805.175	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho			
1	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		219.449.749	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		1.130.000.000	
4,1	Tạm ứng			-
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
4,2	Tài sản ngắn hạn khác		1.130.000.000	
1B	Tổng	-	4.764.054.924	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
C	Tài sản dài hạn	(1)	(2)	(3)
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		387.781.823	
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo qui định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo qui định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		121.244.000	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo qui định tại Điều 5			
C	Tổng	-	509.025.823	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C			21.464.096.056	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		rủi ro		
		(1)	(2)	(3)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
-				
1	Tiền mặt (VND)	0%	36.475.152.429	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	3.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
-				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
5,1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ của các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IDRD, ADD, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn dưới một năm;	3%		
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn từ 1 tới 5 năm;	4%		
	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên;	5%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
-				
6	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời hạn đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-
IV. Cổ phiếu				
0%				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%		
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	15%		
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		-		
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		-		
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		
VII. Các tài sản khác		-		
17	Cổ phần, phần vốn góp, và các loại chứng khoán khác	80%		
18	Các tài sản đầu tư khác			
VIII. Rủi ro tang thêm (nếu có được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO TANG THÊM (A= I + II + III + IV + V + VI + VII + VIII)				
-				

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÁU Á

Địa chỉ: Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh

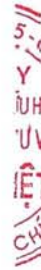
Báo cáo nội lệ an toàn tài chính

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại giao dịch	Giá trị rủi ro :						Tổng giá trị rủi ro
	(1): hs 0%	(2): hs 0,8%	(3): hs 3,2%	(4): hs 4,8%	(5): hs 8%	(6): hs 8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
= H/số FERTT theo đối tác x Giá trị TS tiềm ẩn rủi ro thanh toán							
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán				180.000.000		180.000.000
2	Cho vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-
3	Vay chứng khoán / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại / Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (Cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-
Cộng						7.183.314	7.183.314

II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán : = Hệ số rủi ro thanh toán x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Thời hạn thanh toán	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	10%		-
16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	50%		-



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo ý lệ an toàn tài chính

3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	< 5%		
4	Từ 60 ngày trở đi	10%	-	-
	Cộng		-	-

III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)

	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Cỡ trị rủi ro
1.	Tiền gửi có kỳ hạn	10%	180.000.000	18.000.000
	Cộng			
	B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)			187.183.314

Ghi chú:

- (1): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Chính phủ, các tổ chức phát hành được chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký Chứng khoán
- (3): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc khối OECD
- (4): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập ở các nước thuộc ngoài khối OECD
- (5): Giá trị rủi ro thanh toán đối với Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán được thành lập và hoạt động ở Việt nam
- (6): Giá trị rủi ro thanh toán đối với các tổ chức cá nhân khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	10.681.471.602
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	242.618.943
	1. Chi phí khấu hao	242.618.943
II.	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	10.438.852.659
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ	2.609.713,165
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C= Max (IV,V))		7.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		7.187.183.314

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CHÂU Á

Địa chỉ : Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	187.183.314	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1+2+3)	7.187.183.314	
5	Vốn khả dụng	21.464.096.056	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	300%	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Q. Kế toán trưởng

Trưởng Bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ MINH HUYỀN

NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN



ĐẶNG QUANG TÝ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

1. KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 04 năm 2009, và các giấy phép thay đổi bổ sung:

Giấy phép 313/UBCK- GP ngày 15/3/2010 thay đổi người đại diện pháp luật;

Giấy phép 927/UBCK-GP ngày 26/3/2010 thay đổi địa chỉ;

Giấy phép 98/CPĐC-UBCK ngày 07/2/2012 thay đổi vốn điều lệ lên 36 tỷ.

Vốn điều lệ : 56.000.000.000 đồng.

Hoạt động của Công ty là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở tại số Tầng 5A Tòa nhà Master Building, 41 – 43 Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 04/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của riêng Công ty tại ngày lập báo cáo.

Các thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 226/2010/TT-BTC và các văn bản khác.

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư số 226/2010/TT-BTC và Thông tư 165/2012/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 226/2010/TT-BTC chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xử lý một số khoản mục đặc thù nên Công ty đã áp dụng các cách thức diễn giải dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu "lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật" (Chi tiêu 2, Khoản 1, Điều 4 – Vốn khả dụng, Thông tư 226/TT-BTC)	<p>Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận lũy kế; - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015; - Số dư oáo khoản dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. <p>Dự số dư dự phòng trên bảng cân đối kế toán là một khoản mục phí tiền tệ, phản ánh phần đã được đánh rừng đã rừ lý của rừ ro phát sinh, toàn bộ số dư dự phòng này cần phải được cộng lại vào lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 để xác định vốn khả dụng của Công ty.</p>
2	Chỉ tiêu " Các khoản phải rừ" (Chi tiêu 5, Khoản 1, Điều 9 – Giá trị rừ ro thanh toán, Thông tư số 226/2010/TT-BTC)	Chỉ tiêu "Các khoản phải rừ" bao gồm cả các khoản phải rừ khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rừ ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rừ ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư số 226/2010/TT-BTC.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kỳ kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là thước đo mức độ an toàn tài chính của công ty, phản ánh khả năng của công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rừ ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong thông tư số 226/2010/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rừ ro}}$$

Trong đó, Tổng giá trị rừ ro là tổng các giá trị rừ ro thị trường, giá trị rừ ro thanh toán và giá trị rừ ro hoạt động.

3.2. **Vốn khả dụng**

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu sẵn sàng để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn trong vòng 90 ngày.

Theo quy định trong Thông tư 226/2010/TT-BTC, vốn khả dụng của công ty được xác định bằng tổng vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, trong đó chỉ tính lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối được cộng lại số dư các khoản lập dự phòng trên bảng cân đối kế toán tại ngày lập báo cáo.

Vốn khả dụng của công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản sau:

- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là 5 năm của công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên 10 năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với hạn chứng khoán nhà nước; và
- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/ chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Năm mươi phần trăm phần giá trị giảm đi của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian hạn chế chuyển nhượng còn lại 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo an toàn tài chính;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày;

Các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán nếu có.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba).

3.3. **Giá trị rủi ro thị trường**

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của rủi ro chứng khoán đang nắm giữ của công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Trái phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - + Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - + Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong thông tư số 226/2010/TT-BTC.

3.3.3 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong quá trình bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Công ty không phát sinh giá trị rủi ro thị trường tăng thêm.

3.4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi các đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Đối với các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu; các khoản phải thu khác và tài sản khác có tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro

Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng

vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đảo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán – Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro trước thời hạn thanh toán cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” đối với “Các tổ chức, cá nhân khác” mà Công ty áp dụng là 8%.

Căn cứ Thông tư số 226/2010/TT-BTC, hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian cho các khoản phải thu quá thời hạn từ 60 ngày trở đi mà Công ty áp dụng là 100%.

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại. Tại Công ty chỉ tính rủi ro cho loại giao dịch “Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán” là toàn bộ giá trị khoản cho vay / tiền gửi.

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;

Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

3.4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tạo nghiệp vụ, hoặc thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2015

Q. Kế toán trưởng

Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ MINH HUYỀN

NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN



ĐẶNG QUANG TÝ